

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

CM1977A111 1200-60004

MỤC LỤC

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 8
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 12
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung về Ngân hàng

Thành lập:

Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương được thành lập theo giấy phép số 0034/NH-GP ngày 04/5/1993 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 059074 ngày 04/8/1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 22/06/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Ngân hàng là: 3.080.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Ngân Hàng bao gồm:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;
- Vay vốn các tổ chức tín dụng khác;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Hùn vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép;
- Kinh doanh khách sạn và ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Thực hiện nghiệp vụ phát hành thẻ nội địa có thương hiệu SAIGON BANK Card.

Trụ sở chính của Ngân hàng: Số 2C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 33 chi nhánh, 55 phòng giao dịch và trung tâm kinh doanh thẻ. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung, miền Nam và Tây Nguyên. Ngân hàng có một Công ty con.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Ngân hàng được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Thông	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 19/06/2018
Ông Vũ Quang Lãm	Thành viên	Đảm nhiệm công việc Chủ tịch từ ngày 19/06/2018
Ông Trần Thế Truyền	Thành viên	
Bà Trần Thị Việt Ánh	Thành viên	
Ông Trần Sỹ Đồng	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/11/2018

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Hạnh	Trưởng ban
Bà Vũ Quỳnh Mai	Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Đào Phương Linh	Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Quang Lãm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 19/06/2018
Bà Võ Thị Nguyệt Minh	Phó Tổng giám đốc thường trực	Đảm nhiệm công việc Tổng Giám Đốc từ ngày 19/06/2018
Ông Nguyễn Ngọc Lũy	Phó Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 16/09/2018
Ông Trần Thanh Giang	Phó Tổng giám đốc	
Bà Đỗ Thị Loan Anh	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Văn Thông	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Đến ngày 18/06/2018
Ông Vũ Quang Lãm	Đảm nhiệm công việc Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị	từ ngày 19/06/2018

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục,

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 01 tháng 3 năm 2019

KT. Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám đốc



Võ Thị Nguyệt Minh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) **Fax:** (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: A1217586-R1 /AISC-DN4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương** ("Ngân hàng"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương** tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 01 tháng 3 năm 2019

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Tiêu Phụng

Số GCNĐKHNKT: 1269-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Đỗ Thị Mai Hoa

Số GCNĐKHNKT: 3559-2016-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 St., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Hà Nội

Tel : (84.24) 3782 0045 / 46 Fax : (84.24) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn

Branch in Đà Nẵng : 350 Hai Phong St., Thanh Khue Dist., Đà Nẵng City

Tel : (84.236) 3715 619 Fax : (84.236) 3715 620

Email: danang@aisc.com.vn

Representative in Cần Thơ : 243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City

Tel : (84.292) 3813 004 Fax : (84.292) 3828 765

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thu St., Hồng Bàng Dist., Hải Phòng

Tel : (84.225) 356 9577 Fax : (84.225) 3569 576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	156.001	212.802
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	V.02	844.551	856.957
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.03	2.375.223	3.031.595
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		2.275.223	3.006.595
2. Cho vay các TCTD khác		100.000	25.000
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh	V.04	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.05	-	-
VI. Cho vay khách hàng	V.06	13.559.555	13.988.536
1. Cho vay khách hàng		13.671.099	14.105.444
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.06.5	(111.544)	(116.908)
VII. Hoạt động mua nợ	V.07	-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.08	1.813.328	1.615.224
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.064.349	1.946.070
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(251.021)	(330.846)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.09	735.264	735.900
1. Đầu tư vào công ty con		612.503	612.503
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		125.655	125.655
5. Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn		(2.894)	(2.258)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
X. Tài sản cố định		1.132.198	1.080.443
1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	734.303	707.245
a. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		1.138.755	1.065.935
b. Hao mòn tài sản cố định hữu hình		(404.452)	(358.690)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.12	397.895	373.198
a. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		480.002	452.225
b. Hao mòn tài sản cố định vô hình		(82.107)	(79.027)
XI. Bất động sản đầu tư	V.13	-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản có khác	V.14	366.967	408.149
1. Các khoản phải thu	V.14.1,2,3	186.632	145.930
2. Các khoản lãi, phí phải thu		157.157	158.871
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác	V.14.4	23.178	103.348
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ		20.983.087	21.929.606

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	V.15	-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.16	1.956.173	2.772.835
1. Tiền gửi của các TCTD khác		1.952.383	2.764.890
2. Vay các TCTD khác		3.790	7.945
III. Tiền gửi của khách hàng	V.17	15.289.392	15.461.076
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	V.05	-	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.18	-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.19	-	-
VII. Các khoản nợ khác		302.978	278.782
1. Các khoản lãi, phí phải trả		212.188	199.959
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	V.21	-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.20	90.790	78.823
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		17.548.543	18.512.693

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
VIII. Vốn và các quỹ	V.22	3.434.544	3.416.913
1. Vốn của TCTD		3.080.716	3.080.716
a. Vốn điều lệ		3.080.000	3.080.000
b. Vốn đầu tư XD/CB, mua sắm tài sản cố định		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		716	716
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
g. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD		281.216	273.027
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		72.612	63.170
IX. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		20.983.087	21.929.606

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	VIII.38	239.384	253.633
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch ngoại hối		-	-
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		90.904	91.091
5. Bảo lãnh khác		148.480	162.542
6. Các cam kết khác		-	-

Tp. HCM, ngày 01 tháng 3 năm 2019

KT. Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám đốc

Lập bảng



Phạm Thị Mùa

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Loan Anh



Võ Thị Nguyệt Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.23	1.522.309	1.503.240
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.24	865.991	850.980
I. Thu nhập lãi thuần		656.318	652.260
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		64.649	58.683
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		21.675	20.752
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.25	42.974	37.931
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.26	24.841	18.323
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.27	-	-
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.28	-	-
5. Thu nhập từ hoạt động khác		118.993	62.911
6. Chi phí hoạt động khác		3.947	22.030
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.30	115.046	40.881
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.29	5.149	4.724
VIII. Chi phí hoạt động	VI.31	449.103	402.234
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		395.225	351.885
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		343.592	281.678
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		51.633	70.207
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		10.002	15.612
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.32	10.002	15.612
XIII. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		41.631	54.595

Tp. HCM, ngày 01 tháng 3 năm 2019

KT. Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám đốc

Lập bảng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Mùa



Đỗ Thị Loan Anh



Võ Thị Nguyệt Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.524.023	1.545.560
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(853.762)	(852.983)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		42.974	37.931
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		24.841	18.323
05. Thu nhập khác		(3.824)	(21.831)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		118.859	47.424
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(400.141)	(358.648)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(13.336)	(36.311)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		439.634	379.465
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		(75.000)	(25.000)
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(197.468)	775.002
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		434.345	(1.571.802)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(286.672)	(209.802)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(117.872)	(76.525)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	-
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(816.662)	1.739.044
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		(171.684)	680.530
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		-	-
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		-	-
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(8.699)	(56.776)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(800.078)	1.634.136
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(5.661)	(11.584)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		11	15.288
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		5.149	4.724
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(501)	8.428

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	(123.200)
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	(123.200)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(800.579)	1.519.364
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		4.076.354	2.556.990
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.33	3.275.775	4.076.354

Tp. HCM, ngày 01 tháng 3 năm 2019

KT. Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám đốc

Lập bảng

Kế toán trưởng




Phạm Thị Mùa

Đỗ Thị Loan Anh



Võ Thị Nguyệt Minh